

Bản án số: 110/2020/HS-PT

Ngày: 06-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sang;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 104/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đ. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2020/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Đ, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: số 133/8, đường 30/4, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955; tiền sự: không.

Tiền án: ngày 19/4/2011, Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 92/2011/HSST; ngày 08/8/2011 bị cáo nộp án phí, ngày 16/02/2018 chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân:

- Ngày 21/01/2003, Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 4/2003/HS-ST; ngày 21/01/2003 nộp án phí xong.

- Ngày 20/6/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm” theo Bản án số 108/2003/HS-ST, ngày 14/9/2012 nộp tiền án phí (có giấy xác nhận kết quả thi hành án về án phí), ngày

12/9/2005 chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số 4/2003/HS-ST và Bản án số 108/2003/HS-ST.

- Ngày 14/12/2006, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc (cai nghiện bắt buộc) thời gian 24 tháng, ngày 30/4/2009 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/01/2019 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đạt: Ông Phạm Minh T là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

Trong vụ án còn có 05 bị cáo và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đ là người nghiện ma túy và để có tiền tiêu xài, vào đầu tháng 01 năm 2019 Đạt bán ma túy cho những người nghiện gồm:

Lần 1: vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 12/01/2019, Huỳnh Văn H được người thanh niên quen biết ngoài xã hội nhờ đi đến nhà Nguyễn Đ mua dùm ma túy. H điều khiển xe mô tô biển số 76F1 – 214.85 đến nhà Đ, khi đến có người phụ nữ trong nhà Đ đi ra nên H đưa cho người phụ nữ số tiền 1.500.000 đồng và nhận ma túy. Khi H điều khiển xe lưu thông đến trước số nhà 281/2 khu phố Trung Thắng, phường Bình Thắng, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị Công an thành phố D kiểm tra hành chính và thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng. H khai nhận số ma túy nêu trên là mua từ nhà của Nguyễn Đ nên Công an thành phố D lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hậu.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 xe mô tô biển số 76F1 – 214.85.

Tại Kết luận giám định số 120/MT-PC09 ngày 21/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,4865 gam loại Methamphetamine.

Lần 2: Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 12/01/2019, Phạm Văn H sử dụng điện thoại di động hiệu Buk màu đen sim số 079.785.6559 điện thoại cho Nguyễn Đ theo số 077.9914.451 hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá và Đ hẹn đến nhà Đ lấy. H điều khiển xe mô tô biển số 60N7 - 1945 đến nhà Đ và đưa 500.000 đồng cho Đ, Đ đưa lại cho H 100.000 đồng và nhờ H đi mua dùm nước ngọt rồi sẽ có người mang ma túy ra cho H. Khi H đi ra tiệm mua nước ngọt thì có người thanh niên không rõ nhân thân đến đưa cho Hải 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng. Khi H điều khiển xe lưu thông đến đường ĐT743, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị Công an thành phố D kiểm tra hành chính, thu giữ ma túy. Hải khai nhận số ma túy nêu trên là mua từ nhà của

Nguyễn Đ nên Công an thành phố D lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô biển số 60N7 – 1945, 01 tàu bằng thủy tinh, 01 điện thoại di động hiệu Buk màu đen có sim số 079.785.6559.

Kết luận giám định số 119/MT-PC09 ngày 22/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương: mẫu tinh thể gửi giám định thu giữ từ Hải là ma túy, có khối lượng 0,6176 gam, loại Methamphetamine.

Lần 3: khoảng 15 giờ ngày 12/01/2019, Nguyễn Thị Xuân L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia sim số 092.547.9242, điện thoại cho Nguyễn Đạt theo số 077.991.4451 hỏi mua 5.000.000 đồng ma túy. Đ hẹn địa điểm nhận ma túy tại cổng Khu du lịch T, địa chỉ: khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi L đến địa điểm hẹn, Đ ra đón L vào nhà của Đ và đưa cho L 03 túi nylon chứa tinh thể màu trắng, L mua thêm 10 tàu bằng thủy tinh để sử dụng ma túy với giá 200.000 đồng. Sau đó, L cất giấu ma túy và tàu thủy tinh vào trong túi xách rồi đi bộ ra đầu hẻm gọi điện thoại cho Trần Đức H điều khiển xe mô tô biển số T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương bị Công an thành phố D kiểm tra hành chính. L khai nhận mua ma túy từ Nguyễn Đạt nên bị Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang

Vật chứng thu giữ: 03 túi nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô biển số 60F1 – 92.099, 10 tàu bằng thủy tinh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen có sim số 0339.162.003; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia có sim số 092.547.9242.

Kết luận giám định số 122/MT-PC09 ngày 21/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương: mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định thu giữ từ L có trọng lượng 7,3760 gam (ký hiệu M1) và 2,4944 gam (ký hiệu M2) loại Methamphetamine.

Đối với Trần Đức H không biết Nguyễn Thị Xuân L mang theo ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý.

Lần 4: vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 12/01/2019, Hồ Hoàng S rủ Nguyễn Tấn Ph góp tiền mua ma túy sử dụng, S và Ph hùn mỗi người 100.000 đồng (S cho Ph mượn 100.000 đồng). Ph sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C màu xanh đen có sim số 0964.624494, điện thoại cho Nguyễn Đ theo số 077.991.4451 hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và Đ hẹn địa điểm lấy ma túy tại nhà của Đ. S điều khiển xe mô tô biển số 61D1 – 813.51 chở Phát đến nhà Đ. Khi đến nơi, Ph nói S đứng đầu hẻm chờ, còn Ph đi vào gặp Đ mua 01 gói ma túy giá 200.000 đồng. Khi cả hai điều khiển xe lưu thông đến ngã ba T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị Công an thành phố D kiểm tra hành chính, thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng. Ph và S thừa nhận ma túy bị thu giữ là mua từ Đạt nên bị Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô biển số 61D1 – 813.51, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5C màu xanh đen sim số 0964.624494.

Tại Kết luận giám định số 121/MT-PC09 ngày 21/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định thu giữ từ S, Ph là ma túy, có trọng lượng 0,3641 gam, loại Methamphetamine.

Từ lời khai Nguyễn Thị Xuân L, Huỳnh Văn H, Phạm Văn H, Nguyễn Tân Ph và Hồ Hoàng S; ngày 14/01/2019 Công an thành phố D tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Đ tại địa chỉ: số 133/8 (số cũ 5B/1), đường 30/4, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhưng Đ chống đối, cố thủ trong nhà (07 giờ) không hợp tác. Sau khi bắt giữ Đ, Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Đ và thu giữ:

- 01 cân tiểu ly; 01 bình thủy tinh gắn ống hút; 70 túi nylon miệng kéo dính; 08 nỏ thủy tinh; 02 hộp quẹt lửa dạng khò; 12 hộp quẹt lửa dạng hình cây súng; 03 hộp quẹt lửa kiểu dáng lựu đạn; 05 hộp quẹt lửa kiểu dáng viên đạn; 01 khẩu súng ngắn màu trắng dạng ổ xoay có số 18F20231 bên trong có hộp tiếp đạn có 06 viên đạn màu vàng; 01 khẩu súng ngắn màu đen ký hiệu C17 Pistol; 01 khẩu súng ngắn màu trắng ký hiệu Open F5, dạng ổ xoay, ốp tay cầm đã bị mất; 01 khẩu súng ngắn màu đen, ký hiệu RGZYC-180901282; 18 bình hình trụ màu trắng; 24 viên đạn màu đỏ, dài 4cm, ký hiệu SB MARK III; 29 viên đạn có vỏ màu bạc, đầu đạn màu đồng, dài 2 cm; 70 viên đạn kiểu dáng bi sắt màu trắng; 169 viên đạn bi nhựa màu trắng; 01 roi điện dạng cây đèn pin dài khoảng 40 cm; 01 roi điện hiệu 928 TYPE; 01 roi điện kiểu dáng cây 3 khúc dài 32 cm; 01 cây pháo tự chế, vỏ bằng ống nhựa dài khoảng 20 cm.

Tại Kết luận giám định số 1436/C09B ngày 25/3/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: các đồ vật thu giữ tại nhà Nguyễn Đ gửi giám định là súng, đạn đồ chơi nguy hiểm, cây roi điện là công cụ hỗ trợ.

Tại Kết luận giám định số 1264/C09B ngày 04/3/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H – Viện khoa học Hình sự kết luận:

+ 10 (mười) ống nỏ ghi thu từ bị can Liên và 08 (tám) ống nỏ ghi thu trong nhà bị can Đạt là nỏ thủy tinh cùng loại với nhau (cùng kiểu dáng, kích cỡ, màu sắc).

+ 03 (ba) túi nylon có kích thước (5,1 x 3,5) cm, phần miệng có một đường màu xanh lục trong các bì thư được ký hiệu 120/PC09, 121/PC09, 122/PC09 cùng loại (kiểu dáng, kích cỡ) với 20 túi nylon trong 70 túi nylon miệng kéo dính ghi thu của bị can Đ; các túi nylon còn lại trong 04 bì thư có cùng kiểu dáng, khác kích cỡ với 70 túi nylon miệng kéo dính ghi thu của Đ.

Nguyễn Đ không thừa nhận việc mua bán ma túy, chỉ bán hàng qua mạng, sưu tầm các loại đồ chơi, nước hoa để bán lại cho người khác kiếm lời. Đ thừa

nhận mua 08 cái tẩu dùng hút ma túy đá, 01 đầu nỏ và 01 bình hình đầu lâu bằng thủy tinh dùng để hút ma túy đá cho bản thân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2020/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng các điểm c, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 254, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đ chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 14/01/2019

Bản án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị Xuân L 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo: Huỳnh Văn H 02 (hai) năm tù, Phạm Văn H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 04 (bốn) ngày tù, Nguyễn Tấn Ph 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, Hồ Hoàng S 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/5/2020, bị cáo Nguyễn Đ làm đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh. Xét thấy, khi Công an đến kiểm tra, khám xét nhà của bị cáo thì bị cáo không chấp hành mà cố thủ trong nhà 07 tiếng để tẩu tán ma túy. Do đó, Công an chỉ thu giữ được dụng cụ sử dụng ma túy. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo Sơn, Liên, Phát, Hải mua ma túy từ nhà của bị cáo Đ, phù hợp với vật chứng thu giữ trong vụ án, với danh sách các cuộc điện thoại gọi đến cho số điện thoại của bị cáo Đ trong ngày 12/01/2019 và lời khai của em bị các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm 02 tội là oan sai, chứng cứ không đủ thuyết phục, không thu giữ được tang chứng, vật chứng. Cấp sơ thẩm không áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội có lợi cho bị cáo. Biên bản khám xét thu giữ được rất nhiều đồ vật nhưng không thu giữ được ma túy; chỉ căn cứ vào lời khai một phía của các bị cáo H, S, Ph, L; chưa rõ người phụ nữ và người thanh niên đưa ma túy cho H và

H. Đồng thời chưa làm rõ người nghe điện thoại vào ngày 12/02/2019 là ai vì bị cáo đã làm mất sim điện thoại vào ngày 10/01/2019. Mặt khác, dụng cụ dùng vào việc sử dụng ma túy thu giữ tại nhà bị cáo là do bị cáo sưu tầm để trang trí phòng ngủ, số lượng dụng cụ thu giữ chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ ma túy” nêu trên, đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và thống nhất với nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đ nói lời sau cùng: Bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đ không thừa nhận hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” cũng như tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Đ cho rằng, do L, Ph, S mua nước hoa của bị cáo, sau đó trả lại nhưng bị cáo không đồng ý; còn đối với H: trước đây bị cáo thường xuyên thuê H chở taxi nhưng sau này không thuê nữa. Vì những lý do này nên L, Ph, S và H có lời khai bất lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và cũng trong quá trình điều tra, chính bị cáo Đ thừa nhận không có mâu thuẫn với những người này. Bị cáo không thừa nhận vào ngày 12/01/2019, L, Ph, H có gọi điện thoại cho bị cáo vào số thuê bao 077.9914.451 để hỏi mua ma túy vì bị cáo đã làm mất sim này vào ngày 10/01/2019. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo khai: tối ngày 10/01/2019 bị cáo vẫn còn sử dụng số thuê bao này và trước khi đi ngủ bị cáo để điện thoại trên đầu giường, đến sáng ngủ dậy thì sim điện thoại bị mất nhưng điện thoại vẫn còn, trong khi chỉ có một mình bị cáo ở trong nhà. Lời khai của bị cáo là không phù hợp với thực tế và không có căn cứ. Đồng thời, tại bản chi tiết dữ liệu thuê bao 779914451 (bút lục số 393) do Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone cung cấp thể hiện: vào ngày 12/01/2019 H, Ph có gọi điện thoại cho bị cáo Đ và em trai của bị cáo Đ tên Nguyễn Thành D cũng khai nhận (bút lục 470): vẫn còn liên lạc với Đ qua số điện thoại 779914451 cho đến khi Đ bị bắt. Trong khi đó, khi công an thành phố D thực hiện lệnh bắt khẩn cấp, bị cáo Đ đóng cửa, cố thủ trong nhà 07 giờ liền, sau đó do gia đình vận động bị cáo mới mở cửa.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: bản thân bị cáo Nguyễn Đ và các bị cáo Nguyễn Thị Xuân L, Phạm Văn H, Nguyễn Tấn Ph, Hồ Hoàng S không mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của các bị cáo L, H, Ph, S; kết luận giám định của cơ quan chức năng thể hiện tại các bút lục 93, 115, 391, 394, 600;

vật chứng thu giữ tại nhà bị cáo Đ; nhật ký cuộc gọi từ điện thoại di động của các bị cáo đến số điện thoại bị cáo Đ trong ngày các bị cáo Li, H, Ph, S bị bắt và các chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: vào ngày 12/01/2019, bị cáo Đ bán cho các bị cáo: Phạm Văn H 0,6176 gam ma túy với giá 500.000 đồng; Nguyễn Thị Xuân L 9,8704 gam ma túy với giá 5.000.000 đồng; Hồ Hoàng S và Nguyễn Tấn Ph 0,3641 gam ma túy loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy bị cáo Đ bán trong ngày 12/02/2019 là 10,8521 gam. Ngoài ra, Công an còn thu giữ tại nhà bị cáo Đ 01 bình thủy tinh gắn ống hút và 08 nỏ thủy tinh.

Bản thân bị cáo Đ chưa được xóa án tích tại Bản án số 92 ngày 19/4/2011 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D tỉnh Bình Dương, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Hành vi của bị cáo Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm c (đối với 02 người trở lên), i (Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam), q (tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b (có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ cùng loại hoặc khác loại) khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo yêu cầu xem lại tội danh là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Xuân L mua của bị cáo Đ 10 tẩu bằng thủy tinh để sử dụng ma túy với giá 200.000 đồng, nhưng chỉ có 01 lời khai của L nên không có cơ sở xử lý bị cáo Đ về hành vi mua bán dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2020/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng các điểm c, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 254, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đ chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/01/2019

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đ phải nộp số tiền 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thành phố D ; | 2 |
| - VKSND thành phốĐ; | 1 |
| - Chi cục THADS thành phốDD; | 1 |
| - Phòng PV06 Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an thành phốĐ; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Quân Vương

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Sang

Bùi Ngọc Thạch

Lê Quân Vương